

Bản án số: **308/2024/HC-PT**

Ngày: 30/7/2024

V/v: “*Khiếu kiện quyết định hành
chính, hành vi hành chính trong
lĩnh vực quản lý đất đai*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông **Đình Phước Hòa**.

Các Thẩm phán: ông **Nguyễn Tấn Long**

ông **Trần Đức Kiên**

- Thư ký phiên tòa: ông **Lương Quang Toàn**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông **Nguyễn Thế Vinh** - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 108/2024/TLPT-HC ngày 22 tháng 4 năm 2024 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 39/2024/HC-ST ngày 14/03/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1262/2024/QĐ-PT ngày 03 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: ông Võ Huy T; địa chỉ: 186a N, cụm A, Thôn E, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: ông Đỗ Anh T1; địa chỉ: Số F, liên gia C, Buôn Đ, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người bị kiện:

1. Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

Người đại diện theo ủy quyền của những người bị kiện: ông Lê Đại T2, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND thành phố B. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

1. Ông Trương Văn C, chức vụ: Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Ông Võ Quang H, chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Q;

2. Ông Võ Huy T3;

3. Ông Võ Huy T4;

Cùng địa chỉ: 186a Nguyễn Thái B, cụm A, thôn E, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Người đại diện theo ủy quyền của khởi kiện ông Đỗ Anh T1 trình bày:

Theo nguồn gốc đất vào năm 1986, bà Nguyễn Thị L ký hợp đồng liên kết sản xuất cà phê với Công ty C2, đến ngày 22/11/2004 bà Bùi Thị L1 ký sang đất liên kết có diện tích 5.000 m², thuộc thửa: 1161, lô 1, tại thôn A, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk cho ông Võ Huy T, bằng giấy viết tay và bà Bùi Thị L1 đã nộp thuế khoán hợp đồng đất số tiền 500.000 đồng và nộp lệ phí sang nhượng 1.000.000 đồng “kèm theo phiếu thu Nông trường Cà phê Ea Chur C1 đề ngày 26/11/2004” và ông Võ Huy T trực tiếp canh tác sử dụng trồng cà phê và các loại cây trồng khác và thực hiện nghĩa vụ nộp thuế cho Công ty C2. Đến năm 2007, ông Võ Huy T ký hợp đồng giao khoán đất sản xuất trồng cà phê với Công ty C2, thời hạn hợp đồng đến năm 2010 và ông Võ Huy T vẫn sử dụng diện tích hơn 5.289,1 m² đất giao khoán cho đến nay và cũng trong năm 2005 ông Võ Huy T đã xây nhà cấp 4 “Đính kèm theo nội dung đơn xác nhận đề ngày 02/12/2021 của Chủ tịch UBND xã H”. Tháng 02 năm 2014 ông Võ Huy T, xây nhà theo Mục b và vật kiến trúc Mục c và cây trồng tại Mục d và nguồn gốc đất theo Mục a của Bảng tính chi tiết kinh phí bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất kèm theo Quyết định số: 6870/QĐ-UBND ngày 28/9/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk và theo số thứ tự 12 đất theo Mục a, nguồn gốc đất theo mục b, vật kiến trúc theo Mục c và cây cối hoa màu tại Mục d của Bảng tính chi tiết kinh phí bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất kèm theo Quyết định số: 6834/QĐ-UBND ngày 28/9/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Nhưng, theo nội dung của Quyết định số: 6870/QĐ-UBND ngày 28/9/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk và Quyết định số: 6834/QĐ-UBND ngày 28/9/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk đã thu hồi hết đất và nhà của ông Võ Huy T. Nhưng nay Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B đã ký ban hành Công văn số: 2404/UBND-TTPTQĐ ngày 23/6/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk về việc trả lời đơn của công dân không giao 1 suất tái định cư cho ông Võ Huy T là không đúng với khoản 3 Điều 1 Quyết định số: 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ quy định như sau:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Quyết định số 39/2014/QĐ-UBND"39/2014/QĐ-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2014 của UBND tỉnh Đ

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 6 như sau:

“ Điều 6. Định mức giao đất tái định cư và giá đất ở tính tiền sử dụng đất tại nơi tái định cư

3. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất gắn liền với nhà ở thuộc trường hợp phải di chuyển chỗ ở nhưng không đủ điều kiện được bồi thường về đất ở (kể cả trường hợp xây dựng gắn liền đất nông nghiệp, đất nhận khoán, đất nhận liên kết, đất lấn, chiếm của các công ty nông, lâm nghiệp) nếu tại thời điểm thông báo thu hồi đất không có nhà ở, đất ở nào khác trong địa bàn huyện, thị xã, thành phố nơi có đất thu hồi thì được xem xét giao một thửa đất ở làm nhà ở có thu tiền sử dụng đất.

Như vậy, việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B đã ký ban hành Công văn số: 2404/UBND-TTPTQĐ ngày 23/6/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk về việc trả lời đơn của ông Võ Huy T là đã ký ban hành không đúng và đã xâm phạm trực tiếp đến quyền lợi ích của người sử dụng đất là ông Võ Huy T, khi nhà nước thu hồi đất thì phải giao 1 suất tái định cư theo quy định của Luật Đất đai năm 2013.

Vì vậy, ông Võ Huy T đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xem xét giải quyết:

- Hủy toàn bộ Công văn số: 2404/UBND-TTPTQĐ ngày 23/6/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk về việc trả lời đơn của ông Võ Huy T.

Buộc: Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk phải ký ban hành quyết định giao 1 suất tái định cư cho ông Võ Huy T, đúng theo quy định của Luật Đất đai năm 2013 và khoản 3 Điều 1 Quyết định số: 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ;

2. Tại Bản tự khai đề ngày 07/11/2023, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện ông Lê Đại T2 trình bày:

Căn cứ Quyết định số 530/QĐ-UBND, ngày 06/03/2008 của UBND tỉnh Đ Về việc thu hồi 27,809ha đất của Công ty C2 tại xã H, thành phố B giao cho thành phố B quản lý;

Ngày 29/08/2017, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 5041/QĐ-UBND về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu tái định cư T, xã H, thành phố B; Quyết định số 7105/QĐ-UBND, ngày 27/11/2018 của UBND thành phố B về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Xây dựng cơ sở hạ tầng Khu tái định cư T, xã H, thành phố B;

Ngày 01/11/2019, UBND thành phố B tổ chức họp thông báo chủ trương, chính sách của Nhà nước khi triển khai dự án để các hộ dân trong phạm vi thu hồi được biết và đề nghị các hộ phối hợp trong công tác đo đạc, kiểm đếm hiện trạng đất đai, tài sản gắn liền với đất thu hồi đất thực hiện dự án: Xây dựng cơ sở hạ tầng Khu tái định cư T, xã H, thành phố B.

- Về nguồn gốc đất: Năm 1990 bà Nguyễn Thị L nhận hợp đồng giao khoán sản xuất trồng cà phê với Nông trường cà phê V (nay là Công ty C2). Đến ngày 22/11/2004 bà L chuyển nhượng lại lô đất trên cho ông Võ Huy T bằng giấy tờ viết tay không thông qua chính quyền địa phương, và ông T tiếp tục sử dụng và thực hiện trách nhiệm nộp thuế cho công ty C2 từ năm 2007. Năm 2007 ông Võ Huy T ký lại hợp đồng giao nhận khoán đất sản xuất trồng cà phê với Công ty C2. Ngày 06/03/2008 UBND tỉnh Đ ban hành Quyết định số 530/QĐ-UBND về việc thu hồi 27,809 ha đất của Công ty C2 tại xã H giao lại cho UBND thành phố quản lý, trong đó có 10,1ha đất hiện nay UBND thành phố đang quản lý. Ông T sử dụng cho đến nay. Hiện nay UBND thành phố thực hiện dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư thôn A, xã H, thành phố B. Diện tích thu hồi là 4725,4m².

Ngày 28/9/2021, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 6870/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư T, xã H, thành phố B, trong đó có ông Võ Huy T.

- Đối với nội dung đơn khởi kiện của ông Võ Huy T đề nghị giao một lô đất có thu tiền sử dụng đất. Tôi có ý kiến như sau:

Qua xác minh điều kiện nhà ở và đất ở trên 21 (xã) phường thì ông Võ Huy T không có nhà ở đất ở trên địa bàn thành phố.

Ngày 10/01/2022 Trung tâm phát triển quỹ đất có công văn số 12/CV-TTPTQĐ về việc thẩm tra điều kiện giao đất ở có thu tiền sử dụng đất.

Ngày 10/06/2022 hội đồng thẩm định họp và có nội dung đề nghị xác minh bổ sung về điều kiện nhà ở và đất ở.

Ngày 09/12/2022 các ngành họp có nội dung đề nghị xác minh lại địa chỉ ông Võ Huy T đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn E, xã H.

Qua xác minh thì tại địa chỉ ông Võ Huy T đăng ký hộ khẩu thường trú tại 01 thửa đất đứng tên bà Nguyễn Thị Q (bà Q là vợ ông Võ Huy T) là thửa đất số 488, tờ bản đồ 12, diện tích là 64m² đất ở nông thôn, được UBND thành phố B cấp giấy chứng nhận QSD đất số K578129 ngày 04/9/1998. Ngày 25/02/2020 ông Võ Huy T và bà Nguyễn Thị Q (vợ) đã thuận tình ly hôn và tài sản là thửa đất trên không yêu cầu tòa giải quyết.

Như vậy, ông Võ Huy T và bà Nguyễn Thị Q đã thuận tình ly hôn không yêu cầu giải quyết tài sản nên tài sản thửa đất trên là tài sản chung, và ly hôn sau thời điểm thực hiện dự án nên không có cơ sở giao đất có thu tiền sử dụng đất. Theo khoản 3, Điều 1, Quyết định 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Đ sửa đổi bổ sung Điều 6 Quyết định 39/QĐ-UBND ngày 10/11/2014 của UBND tỉnh Đ.

“Hộ gia đình, cả nhân đang sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất gắn liền với nhà ở thuộc trường hợp phải di chuyển chỗ ở nhưng không đủ điều kiện được bồi thường về đất ở (kể cả trường hợp xây dựng gắn liền đất nông nghiệp, đất nhận khoán, đất nhận liên kết, đất lấn, chiếm của các công ty nông, lâm nghiệp) nếu tại thời điểm thông báo thu hồi đất không có nhà ở, đất ở nào khác trong địa bàn huyện, thị xã, thành phố nơi có đất bị thu hồi thì được xem xét giao một thửa đất ở làm nhà ở có thu tiền sử dụng đất”.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 39/2024/HC-ST ngày 14/3/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; khoản 2 Điều 157; khoản 1 Điều 158; điểm a khoản 2 Điều 193; khoản 1 Điều 206 Luật tổ tụng hành chính;

Áp dụng Điều 204 Luật đất đai 2013; khoản 3, Điều 1, Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Đ sửa đổi bổ sung Điều 6 Quyết định số 39/QĐ-UBND ngày 10/11/2014 của UBND tỉnh Đ.

Áp dụng Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Võ Huy T về việc: Hủy Công văn số: 2404/UBND-TTPTQĐ ngày 23/6/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk về việc trả lời đơn của công dân Võ Huy T và buộc Ủy ban

nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk phải ban hành quyết định giao 01 thửa đất tái định cư có thu tiền sử dụng đất cho ông Võ Huy T.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về phần án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 15/3/2024, ông Võ Huy T kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án hành chính sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người khởi kiện là ông Võ Huy T xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án, về trình tự, thủ tục giải quyết thì Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân thủ đúng quy định của Luật tố tụng hành chính. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Huy T là đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Võ Huy T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và các đương sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện của người khởi kiện, người bị kiện đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Thấy, việc vắng mặt của những đương sự nêu trên không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án vì các đương sự đều đã có lời trình bày trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những đương sự trên.

[2] Về thủ tục tố tụng: Văn bản số 2404/UBND-TTPTQĐ ngày 23/6/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk về việc không thực hiện việc giao đất tái định cư sau khi Nhà nước thu hồi đất. Đây là văn bản có nội dung của quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án bằng vụ án hành chính theo khoản 1 Điều 30 Luật Tố tụng hành chính. Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk thụ lý, giải quyết vụ án hành chính theo quy định tại Điều 32 Luật tố tụng Hành chính là đúng.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 27/9/2022, ông Võ Huy T có đơn khởi kiện vụ án hành chính, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk thụ lý giải quyết là đúng quy định pháp luật.

[4] Năm 1986, bà Nguyễn Thị L có ký hợp đồng liên kết sản xuất trồng cà phê với Công ty C2 với diện tích hơn 5.000m². Năm 2004, ông Võ Huy T đã nhận chuyển nhượng thửa đất trên từ bà L bằng giấy viết tay.

Năm 2007, ông T ký lại hợp đồng giao khoán đất sản xuất trồng cà phê với Công ty C2 với thời hạn hợp đồng đến năm 2010.

Năm 2005, ông T đã xây căn nhà cấp 4 và tiếp tục xây thêm nhà ở, vật kiến trúc trên đất vào năm 2014.

Năm 2021, Ủy ban nhân dân thành phố B đã thu hồi toàn bộ diện tích đất mà ông T đang quản lý, sử dụng để thực hiện Công trình đường Đ, thành phố B.

Sau đó, Ủy ban nhân dân thành phố B đã ban hành Quyết định số 6834/QĐ-UBND và Quyết định số 6870/QĐ-UBND cùng ngày 28/9/2021 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất.

Do không được giao đất tái định cư nên ông T làm đơn khiếu nại đến Ủy ban nhân dân thành phố B.

Ngày 23/6/2023, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Văn bản số 2404, với nội dung: ông Võ Huy T không đủ điều kiện để được giao đất ở có thu tiền sử dụng đất theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ.

[5] Xét ông Võ Huy T có đủ điều kiện được giao đất ở có thu tiền sử dụng đất hay không thì thấy rằng:

Ngày 04/9/1998, Ủy ban nhân dân thành phố B đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K578129 cho hộ bà Nguyễn Thị Q đối với thửa đất số 488, tờ bản đồ số 12, diện tích 64m², loại đất ở tọa lạc tại xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Bà Q là vợ của ông Võ Huy T.

Theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 46/2020/QĐST-VHNGĐ ngày 25/02/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột giải quyết việc hôn nhân và gia đình giữa ông Võ Huy T và bà Nguyễn Thị Q, có nội dung: Về tài sản chung và nợ nần: Ông Võ Huy T và bà Nguyễn Thị Q tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. (bl 192)

Ông T có cung cấp “*Văn bản thỏa thuận phân chia tài sản*” ngày 12/01/2021, có nội dung ông Võ Huy T đồng ý giao toàn bộ quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 578129, do Ủy ban nhân dân thành phố B cấp ngày 04/9/1998 đối với thửa đất số 488, tờ bản đồ số 12, diện tích 68m² đất ở, tọa lạc thôn E, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Tại phiên tòa sơ thẩm ông T cho rằng sau khi ly hôn thì ông để lại nhà đất ở xã H cho bà Nguyễn Thị Q sử dụng còn ông thì đi thuê nhà chỗ khác để ở. Tuy nhiên, theo Quyết định số 46/2020/QĐST-VHNGĐ thì giữa ông T và bà Q không phân chia tài sản chung nên nhà đất tọa lạc tại xã H, thành phố B vẫn là tài sản chung của ông Võ Huy T và bà Nguyễn Thị Q.

Tại khoản 3 Điều 1 Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh tại các Quyết định của UBND tỉnh Đ như sau:

“Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Quyết định số 39/2014/QĐ-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2014 của UBND tỉnh Đ

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 6 như sau:

“Điều 6. Định mức giao đất tái định cư và giá đất ở tính tiền sử dụng đất tại nơi tái định cư

...

3. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất gắn liền với nhà ở thuộc trường hợp phải di chuyển chỗ ở nhưng không đủ điều kiện được bồi thường về đất ở (kể cả trường hợp xây dựng gắn liền với đất nông nghiệp, đất nhận khoán, đất nhận liên kết, đất lán, chiếm của các công ty nông, lâm nghiệp) nếu tại thời điểm thông báo thu hồi đất không có nhà ở, đất ở nào khác trong địa bàn huyện, thị xã, thành phố nơi có đất bị thu hồi thì được xem xét giao một thửa đất ở làm nhà ở có thu tiền sử dụng đất.”

Đối chiếu quy định trên, thì ông Võ Huy T và bà Nguyễn Thị Q đã có nhà đất tại xã H nên không đủ điều kiện để được xem xét giao một thửa đất để làm nhà ở có thu tiền sử dụng đất.

[6] Với nhận định trên, thấy Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk ban hành Văn bản số 2404/UBND-TTPTQĐ ngày 23/6/2023 với nội dung không thực hiện việc giao đất tái định cư sau khi Nhà nước thu hồi đất đối với ông Võ Huy T là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Do đó, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông Võ Huy T.

[7] Về án phí: ông Võ Huy T phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng Hành chính;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Võ Huy T. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 39/2024/HC-ST ngày 14/3/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Căn cứ Điều 204 Luật đất đai 2013; khoản 3, Điều 1, Quyết định 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Đ sửa đổi bổ sung Điều 6 Quyết định 39/QĐ-UBND ngày 10/11/2014 của UBND tỉnh Đ.

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Võ Huy T về việc: Hủy Công văn số 2404/UBND-TTPTQĐ ngày 23/6/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk về việc trả lời đơn của công dân Võ Huy T và buộc Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk phải ban hành quyết định giao 1 thửa đất tái định cư có thu tiền sử dụng đất cho ông Võ Huy T.

2. Về án phí hành chính phúc thẩm:

Áp dụng khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Võ Huy T phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm. Xác nhận ông T đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm theo Biên lai số 0009528 ngày 27/3/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

3. Những quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVÀ, P. HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đinh Phước Hòa